

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2017.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, ấp 4, xã HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Duy B, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Xóm 26, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ ĐTH, tổ 5, khu phố LB, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà T và ông Trịnh Duy B chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/8/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2016 sau khi bà T sinh con, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B không tôn trọng, tin tưởng bà, đặc biệt là vấn đề tài chính, ông B nghi ngờ bà T đem tiền về cho B mẹ ruột; ông B không đưa tiền phụ giúp bà T nuôi con. Khi bà T khuyên ông B sống có trách nhiệm hơn thì ông B chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, đánh đập bà T trước mặt nhiều người. Sau khi nộp đơn xin ly hôn, bà T đã đem con về nhà cha mẹ ruột tại xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên để sinh sống cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không

còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Duy B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Thị Như M, sinh ngày 05/12/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản sao trích lục giấy khai sinh tên Trịnh Thị Như M; bản sao Giấy đăng ký kết hôn của bà T và ông B; bản sao Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2017, bị đơn ông Trịnh Duy B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, kết hôn và con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung và nợ chung. Về thời gian và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, ông B cho rằng khoảng tháng 2 năm 2017 do ông B làm nghề buôn bán, phải thức khuya, dậy sớm; bà T phải ở nhà bán hàng nhưng không chịu được vất vả nên bà T và ông B có những bất đồng nhỏ trong sinh hoạt gia đình. Từ đó đến nay, bà T và ông B ly thân. Ông B xác định còn thương bà T, thương con nên ông B không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con bé Trịnh Thị Như M, sinh ngày 05/12/2015. Nếu ly hôn, ông B đồng ý giao con cho bà T nuôi nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; ông B làm có tiền sẽ cho con. Nếu bà T không nuôi được con thì giao con để ông B nuôi, ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, bà T chỉ yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi bé M đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông B; giao con chung là cháu Trịnh Thị Như M cho bà T nuôi dưỡng; ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án triệu tập hợp lệ ông Trịnh Duy B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lúc 13 giờ 30 phút ngày 16/5/2017 và lúc 13 giờ 30 phút ngày 01/6/2017, triệu tập tham gia phiên toà lúc 14 giờ 00 phút ngày 29/6/2017 nhưng ông B vắng mặt không có lý do nên phiên toà phải hoãn lần thứ nhất, mở lại phiên toà lúc 07 giờ 30 phút ngày 11/8/2017; ngày 03/7/2017, ông B đến Toà án nộp đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị T và ông Trịnh Duy B đủ tuổi kết hôn và có năng lực hành vi đầy đủ đã tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2015, quyền số 01/2014 ngày 11/8/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn nên kiên quyết xin ly hôn với ông B; ông B mặc dù cho rằng còn tình cảm với bà T, không muốn ly hôn nhưng khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải, tham gia phiên toà thì ông B vẫn không đến; Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2017, ông B cũng xác định giữa ông với bà T phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 02-03/2017 và vợ chồng sống ly thân đến nay; ông B cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy, ông B hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T với ông B là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không có trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông B có 01 con chung tên Trịnh Thị Như M, sinh ngày 05/12/2015. Khi vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 3/2017 đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi con. Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2017, ông B đồng ý giao cháu M cho bà T nuôi nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, trường hợp bà T yêu cầu cấp dưỡng thì đề nghị giao con cho ông nuôi và ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bé M chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*, Sau khi ly thân, bà T là người nuôi con, hiện bà T có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, việc giao con cho bà

T nuôi dưỡng là đảm bảo việc phát triển của cháu M và phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Như vậy, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, Khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T về việc xin ly hôn với ông Trịnh Duy B như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T được ly hôn với ông Trịnh Duy B.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Như M, sinh ngày 05/12/2015 cho bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trịnh Duy B phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Dương Thị T và ông Trịnh Duy B đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Dương Thị T phải nộp 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013275, ngày 27/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Ông Trịnh Duy B phải nộp 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Duy B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THA Dân sự thị xã TU;
- UBND xã XT, huyện TX, tỉnh TH;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bích Huế